

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH TÂY NINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1642/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 01 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Danh mục lĩnh vực thu hút
và Danh mục lĩnh vực đào tạo sau đại học tỉnh Tây Ninh năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách đào tạo sau đại học và thu hút nhân tài;

Căn cứ Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về chính sách đào tạo sau đại học và thu hút nhân tài ban hành kèm theo Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 378/TTr-SNV ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Công văn số 413/TTr-SNV ngày 03 tháng 7 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục lĩnh vực thu hút và Danh mục lĩnh vực đào tạo sau đại học tỉnh Tây Ninh năm 2019.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện chính sách thu hút và đào tạo của tỉnh theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *lưu*

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; PNCPC;
- Lưu: VT, VP, SNV.

Quy

Lo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

**DANH MỤC LĨNH VỰC THU HÚT VÀ DANH MỤC LĨNH VỰC ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
TỈNH TÂY NINH NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

| Trình độ | Số lượng | Lĩnh vực, ngành, nghề | Đơn vị |
|--|-----------|---|--|
| 1. Danh mục lĩnh vực thu hút | | | |
| Đại học loại giỏi; thạc sĩ; tiến sĩ | 15 | Đúng đối tượng, đủ điều kiện tiêu chuẩn theo quy định và ngành nghề phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt | Trên cơ sở, đề nghị của các cơ quan, đơn vị khi có hồ sơ thu hút, Ủy ban nhân dân tỉnh có chỉ đạo giao Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định thu hút tại các đơn vị sự nghiệp còn chỉ tiêu biên chế chưa sử dụng |
| Bác sĩ; Thạc sĩ; Chuyên khoa cấp I; chuyên khoa cấp II | 50 | Bác sĩ đa khoa chính quy, thạc sĩ y khoa; Chuyên khoa cấp I; Chuyên khoa cấp II | Sự nghiệp Y tế |
| Giáo dục tiểu học; Ngữ văn; Sử học; Sinh học; Quản trị văn phòng | 5 | Đúng đối tượng, đủ điều kiện tiêu chuẩn theo quy định và ngành nghề phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt | Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo |
| Tổng cộng: | 70 | | |
| 2. Danh mục lĩnh vực đào tạo sau đại học | | | |
| Tiến sĩ | 4 | Hồ Chí Minh học | Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; |
| | | Văn học Việt Nam (2) | Trường CĐSP Tây Ninh; Trường THPT Trần Đại Nghĩa |
| | | Chính sách công/Quản trị kinh doanh | Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng |
| Chuyên khoa cấp I | 75 | Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực y tế | Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế |
| Chuyên khoa cấp II | 2 | Nội; Y tế công cộng | Trung tâm Y tế huyện Châu Thành; Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu |
| Thạc sĩ | 177 | Hành chính công (3); Quản lý công (24); Chính sách công (3); | Văn phòng Tỉnh ủy (2); Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Tỉnh Đoàn; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Đảng ủy Khối các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh; Sở Tài chính (3); Sở Nội vụ (2); Thành ủy (2); Huyện ủy các huyện: Gò Dầu (1), Hòa Thành (2), Trảng Bàng (2), Bến Cầu (2), Tân Biên (1); UBND các huyện: Hòa Thành (1), Gò Dầu (5), Bến Cầu (3), Tân Biên (1), Tân Châu (1) |
| | | Chính trị học (2) | Huyện ủy các huyện: Tân Châu (1); Tân Biên (1) |
| | | Quản lý kinh tế (16); Kinh tế (3); Kinh tế chính trị; Kinh tế và Quản lý công | Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Sở Tài chính; Ban Quản lý Khu kinh tế; Sở Lao động Thương binh và Xã hội (4); Thanh tra tỉnh (2); Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh (2); Huyện ủy các huyện: Hòa Thành (2), Châu Thành (1); Dương Minh Châu (2); Tân Châu (1); UBND các huyện: Trảng Bàng (1); Bến Cầu (2); Tân Biên (1) |
| | | Quản lý văn hóa; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Các đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | |
|-------------------|------------|---|--|
| | | Quản lý giáo dục (6) | UBND các huyện: Trảng Bàng (3), Gò Dầu (1), Tân Biên (2) |
| | | Quản trị kinh doanh (2); Quản trị kinh doanh hoặc Chính sách công | UBND các huyện: Trảng Bàng (2), Gò Dầu |
| Thạc sĩ | 177 | Luật (11); Luật kinh tế (3); Luật hiến pháp và Luật hành chính | Huyện ủy Tân Châu; Ban Quản lý khu kinh tế; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Tư pháp; UBND các huyện: Trảng Bàng (3); Châu Thành (1); Bến Cầu (1); Dương Minh Châu (2); Tân Biên (2) |
| | | Tài chính ngân hàng; Tài chính | Đảng ủy Khối các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh; Huyện ủy Châu Thành; |
| | | Nông học; Khoa học cây trồng; Chăn nuôi (2) | Huyện ủy Tân Châu; Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (3) |
| | | Kỹ thuật điện (3); Kỹ thuật cơ khí; Giáo dục thể chất | Các đơn vị trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội |
| | | Tôn giáo học | Sở Nội vụ |
| | | Công nghệ môi trường; Quản lý môi trường; Kỹ thuật môi trường | Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (2) |
| | | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh; Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc; Toán giải tích; Sinh học (2) | Các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc UBND: thành phố (3); huyện DMC (2) |
| | | Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo (36) | Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo |
| | | Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực y tế (24) | Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế |
| | | Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực lực lượng vũ trang (18) | Lực lượng vũ trang |
| | | Chuyên ngành Quản lý kinh tế (dự kiến tổ chức lớp đào tạo sau đại học tại tỉnh năm 2019) | Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh |
| Tổng cộng: | 258 | | |